



TỪ KẾ TRONG TIẾNG THÁI MƯỜNG TẮC

HOÀNG L□□NG

Lâu nay, nhiều nhà Ngôn ngữ học, Sử học, Văn học dân gian... bàn khá nhiều về từ *Kế* xuất hiện trong tiếng Việt. Trong Kỷ yếu *Kỷ niệm 20 năm Việt Nam học theo định hướng liên ngành* - Nxb Thế giới phát hành quý IV-2008, có bài của GS. TS. Trần Trí Dõi, Chủ nhiệm khoa Khoa Ngôn ngữ học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội về *Ba bài viết về địa danh Cổ Loa*, lại nhắc đến từ *Kế* này.

Theo GS. TS. Trần Trí Dõi, *Cổ Loa* hay *Khả Lũ* là đồng âm của một từ *Kế Loa* hay *Kế Lũ*. Trong ngôn ngữ học, tên nào có trước, tên nào có sau là một vấn đề cần bàn thêm. Song rõ ràng, cả hai danh từ này thuộc dạng từ cổ của Tiếng Việt. Xuất xứ, nguồn gốc và quá trình hình thành các tên gọi này từ đâu, mang ý nghĩa như thế nào là cả một vấn đề lý thú và cần được tìm hiểu, nghiên cứu thêm. Trong phạm vi bài này, tôi không đi sâu vào tìm hiểu việc đó mà chỉ nhằm cung cấp thêm những tư liệu liên quan có thể minh chứng cho sự xuất hiện của những từ này trong tiếng Thái.

Hiện nay, trong tay tôi có trọn bộ lời mo *Tày òn ọc* (bài mo đầu tiên cúng cho người chết, nói về chu kỳ đời người từ lúc bố mẹ yêu nhau, ăn ở với nhau rồi sinh

ra người mới chết như thế nào). Đây là bài mo của người Thái Mường Tắc (Phù Yên - Sơn La) được ghi lại bằng bút nho trên giấy dó bằng chữ Thái Mường Tắc mà chúng tôi đã sưu tầm được hơn 20 năm nay. Đây là bản duy nhất còn lại của chữ Thái Mường Tắc (Phù Yên, Sơn La) ghi chép bài mo đám ma này.

Trong đoạn nói về nguyên nhân làm cho người chết (trang 31, 32 theo thứ tự quyển sách này) liên tiếp nhắc đến từ *Kế* với ý nghĩa là *nơi ở* của sự vật hiện tượng và những con vật quen thuộc nào đó mà người chết từng quen biết.

Nguyên văn những câu có chữ *Kế* đó như sau:

“Mưa nắn, bon¹ xam khám bon xỉ

Nhi nguyệt tóng xam tái

Bon hai hung tằng táo tằng tan
tằng lai

Hung mừa tóng đơi nắn mẩn đi

Kế pa

Hung mừa tóng đơi ná mẩn đi

Kế khuôc

¹ Tiếng Thái Mường Tắc xưa vẫn phát âm đúng với tiếng Thái trắng: *bron* (tháng) thành *bon* (vần *uon* thành vần *on*).

Hung mưa tống chom puộc mấn đi
Kẻ ngủ

Hung mưa tống Pom pu mấn đi
Kẻ quang cấp phán

Hung mưa tống nặng bạn mấn đi
Kẻ bảo cấp xao

Hung mưa tống nả tảng mấn đi
Kẻ khoái

Hung mưa tống pai chán năm đi
Kẻ mon...

Tạm dịch nghĩa:

Thuở ấy, tháng ba qua tháng tư

Ánh sáng chiếu khắp nơi

Trăng sáng nơi cửa sổ nhà tạo
đằng ấy sáng nhiều

Sáng tới các dòng nước tốt
cho con cá

Sáng tới nơi đồng ruộng tốt
cho nòng nọc

Sáng tới nơi đồng mới tốt
cho con rắn

Sáng tới nơi đỉnh núi tốt
cho hươu với nai

Sáng tới nơi bản tốt cho trai với gái

Sáng tới tận cửa sổ tốt cho trâu

Sáng tới tận sàn phơi tốt
cho con tằm.

Như vậy, trong tiếng Thái cổ Mường Tác đã sử dụng từ *Kẻ* khá nhuần nhuyễn với ý nghĩa để chỉ nơi chốn, người, vật cụ thể nào đó. Lâu nay, nhiều người vẫn đi tìm ý nghĩa cho từ *Kẻ* như *Kẻ Sặt*, *Kẻ Noi*,

Kẻ Lũ, *Kẻ Chợ*... những địa danh khá phổ biến trong làng xã người Việt ở đồng bằng Bắc bộ.

GS. TS. Trần Trí Dõi căn cứ vào cách giải thích của GS. Đào Duy Anh cho rằng: “hai địa danh Khả Lũ và Cổ Loa hình như có một cách xử lý ngữ âm khác...”. Giáo sư Đào Duy Anh đi sâu lý giải “ý nghĩa” yếu tố *Cổ* trong tên gọi *Cổ Loa*. Giáo sư nhận xét rằng: “Đối chiếu chữ *Cổ* Loa với lai lịch chữ *Cổ Bôn* và *Cổ Định*, chúng ta có thể đoán định rằng tên *Cổ Loa* hẳn là do tên Nôm cũ *Kẻ Loa* mà ra. Trong tiếng Việt Nam có cái lệ lấy chữ *Kẻ* đặt lên trên một chữ khác để đặt tên làng, chữ thứ hai này thường là chỉ một đặc điểm gì về địa lý hay về kinh tế của làng ấy, ví dụ như *Kẻ Chợ*... Khi người ta phiên âm tiếng *Kẻ* thành chữ Hán thì người ta phiên thành chữ *Cổ*, như *Cổ Bôn*, *Cổ Ninh*...” (Trần Trí Dõi, 2008, tr. 199).

Cũng trên cơ sở đó, GS. TS. Trần Trí Dõi nhận xét rằng: “Do tên *Loa* thành của người Trung Quốc đặt đó, dân gian mới gọi tên làng ở đó là *Kẻ Loa*” (Trần Trí Dõi, sđd, tr. 199). Về sau *Kẻ Loa* được phiên âm thành chữ Hán là *Cổ Loa*. Trong *An Nam Chí lược* của tác giả Lê Tắc (Trung Quốc) đã từng viết: “*Khả Lũ* là phiên chữ *Kẻ Loa* của Việt Nam theo tiếng Trung Quốc lúc bấy giờ” (Trần Trí Dõi, sđd, tr. 199). GS. Đào Duy Anh cũng đã từng nói: “*Khả Lũ* và *Cổ Loa* là đồng âm” (Trần Trí Dõi, 2008, tr. 198).

Qua những cứ liệu trên đây đã làm rõ ra một vấn đề lâu nay được nhiều người

quan tâm là từ *Kẻ* có mặt ở nhiều địa danh, nhất là vùng đồng bằng Bắc bộ. Các danh từ có từ *Kẻ* đó phải chăng đã từng có mối quan hệ khăng khít hay thân thuộc với từ *Kẻ* trong tiếng Thái Mường Tắc (Phù Yên - Sơn La)?

Tuy những từ *Kẻ* trong tiếng Thái Mường Tắc² là lời mo đám ma, nhưng có lẽ chính vì thế mà chúng có giá trị về mặt tư liệu hơn. Vì đây là những từ cổ được diễn đạt trong văn bản cổ nên chúng là những cứ liệu đáng tin cậy hơn, có sức thuyết phục hơn.

Trong bài mo nói tới ánh trăng, thứ ánh sáng huyền ảo của tự nhiên tạo nên sức sống cho các sự vật trong thiên nhiên. Thứ ánh sáng đó chiếu rọi tới đâu, vật gì, con gì sẽ tốt cho nơi đó, vật đó, con vật đó. Ở đây là những con vật và cả những cảnh vật khá quen thuộc với đời sống Thái. Đó là *các dòng nước, ruộng đồng, đống mồi, ngọn núi, bản mường, cửa sổ* hay *sàn phơi*... và gắn bó với những cảnh vật đó thường là các con vật cũng rất quen thuộc với người Thái - cư dân sống trong lòng chảo giữa núi. Đó là hình ảnh *con cá, nòng nọc, rắn, hươu, nai, trâu, tằm* và cả *trai gái của bản mường*.

² Từ những nghiên cứu về tiếng Thái Mường Tắc (Phù Yên, Sơn La), hai tiến sĩ Ngôn ngữ học của Mỹ và Thái Lan là Jerold A. Edmondson (Trường Đại học Arlington, Texas) và Navavan Phansumesa (Trường Đại học Chulalongkorn, Băng Cốc, Thái Lan) đều có chung một nhận xét rằng: Rất có thể tiếng Thái Mường Tắc là tiếng Thái cổ, giống như tiếng Anh ở London. Xem: “*Tiếng Thái Mường Tắc*” - Tư liệu của Viện Thái học Chulalongkorn - Thái Lan - 1995 và Kỷ yếu về *Cuộc tranh luận chuyên đề ngôn ngữ Kadai* - Tập IV (tr. 41-57) - Arlington - Texas, USA, 1994.

Nếu phân tích kỹ dưới góc độ ngôn ngữ học, từ *Kẻ* là loại từ rất cổ, là loại từ cơ bản trong ngôn ngữ Thái và được sử dụng như một từ chỉ định hay xác định một sự vật, hiện tượng nào đó. Khi muốn diễn đạt hay xác định về một sự vật, hiện tượng nào đó đều phải sử dụng từ *Kẻ*. Ví dụ, khi muốn nói tới một người nào đó hay con vật nào đó, người ta thường nói: *Kẻ nấn*, *Kẻ nớ*, một đại từ ở ngôi thứ hai hay thứ ba để chỉ người nào đó khác với bản thân người đang nói.

Trong tiếng Thái Lan hiện nay, khi muốn nói tới sự biếu tặng một ai đó vật gì hay tiền của, vàng bạc... đều nói là *Kẻ* với nghĩa là *cho*, là *tặng* hay *biếu*. Tuy cho đến nay chúng tôi ít gặp trường hợp trong tiếng Thái dùng từ *Kẻ* để đặt tên cho một địa danh nào đó như trong tiếng Việt, nhưng qua bài mo trên cũng đã gợi ra một cách hiểu là khi muốn nói tới một nơi nào đó như *dòng suối, đồng ruộng, đống mồi, ngọn núi*, thậm chí cả *cửa sổ, sàn phơi*... là những nơi quen thuộc đều phải dùng từ *Kẻ*. Mặc dù ở trong mo Thái không nói trực tiếp tới địa danh đó mà lại dùng hình ảnh gắn bó với nơi đó. Chỉ cần nói tới những hình tượng ấy là giúp người ta liên tưởng tới nơi ấy, thậm chí là đặc điểm của nơi ấy. Nói tới *con rắn* thường là nói tới nơi thích ở của *con rắn* là *đống mồi*; nói tới *con cá* phải nói tới *nước*; nói tới *con nòng nọc* là nói tới *đồng ruộng*, vì nòng nọc thường sống ở đồng ruộng... Nói tới *hươu, nai* là ý nói tới nơi núi cao *rừng rậm* hay khi nói tới *trai gái* là phải nói tới *cửa sổ* vì trai gái thường tụ tập bên cửa sổ ngắm trăng. Đặc biệt là, nói đến *con tằm* là phải nói tới

sàn phơi, vì kén tấm thường phơi ở ngoài *sàn chan*.

Như vậy, tuy lời mo không nói tới các địa danh cụ thể như trong tiếng Việt (*Kẻ Chợ, Kẻ Noi, Kẻ Lũ, Kẻ Loa...*) nhưng lại nói tới những con vật thường là hình tượng gắn với các địa danh đó.

Đến đây đã có thể đi đến nhận xét như sau: *Kẻ* là từ cổ khá phổ biến trong tiếng Việt và tiếng Thái. Những từ đó có lẽ phải có từ thời Việt - Mường chung và Thái cổ. Nói khác đi là một từ đã từng được cư dân Việt cổ (bao gồm nhiều tộc người cổ đã từng sinh sống ở Việt Nam) sử dụng khá phổ biến từ thời đó. Ở đây, chúng tôi chưa đủ cứ liệu để xác định đó là loại từ của ngôn ngữ nào. Nhưng, điều chắc chắn nó là từ có từ thời Việt cổ. Sau này, đã được hậu duệ của các lớp cư dân đó sử dụng một cách khác nhau, nhưng vẫn là những từ chỉ về các địa danh như chúng ta đã biết trong tiếng Việt. Có lẽ vì chúng rất cổ, nên nhiều khi người đương đại và cả hiện đại ít dùng nó, ít biết về nó và trở nên xa lạ với người hiện nay.

Theo GS. TS. Trần Trí Dõi và trước đó là GS. Đào Duy Anh thì “Địa danh Cổ Loa rõ ràng là dạng thức Hán Việt hoá của một tên Nôm có trước” (Trần Trí Dõi, 2008, tr. 201). Bài viết trên cũng cho biết rõ thêm: “Những chỉ dẫn của GS. Đào Duy Anh đã cho chúng ta có thêm một hiểu biết quan trọng khác nữa là địa danh Cổ Loa xuất hiện trong thư tịch Hán Việt, Khả Lũ xuất hiện ở thư tịch bên Trung Quốc trong khoảng thời gian từ thế kỷ XIII đến

khoảng thế kỷ XV” (Trần Trí Dõi, 2008, tr. 201). Theo GS. TS. Trần Trí Dõi thì “đây là giai đoạn ngữ âm tiếng Việt ở thời kỳ Việt - Mường chung” (Trần Trí Dõi, 2008, tr. 204, 205) là lớp cư dân Việt cổ mà chúng tôi vừa nói ở đoạn trên.

Theo thống kê của GS. TS. Trần Trí Dõi trong bài viết trên (Trần Trí Dõi, sdd, tr. 204, 205) hiện nay ở Bắc bộ (kể từ Thanh Hoá ra) có 51 làng có từ *Kẻ* (địa danh Nôm). Ví dụ: *Kẻ Giàu* (Văn Giang, Hưng Yên), *Kẻ Dâu* (Thuận Thành, Bắc Ninh), *Kẻ Mom* (Quảng Xương, Thanh Hóa), *Kẻ Đanh* (Yên Định, Thanh Hóa), *Kẻ Mọc* (Thanh Xuân, Hà Nội), *Kẻ Bún* (Gia Lâm, Hà Nội), *Kẻ Cháy* (Thanh Oai, Hà Tây), *Kẻ Chuông* (Thanh Oai, Hà Tây), *Kẻ Chám* (Lương Tài, Bắc Ninh), v.v.

Điều lý thú ở đây là những tên Nôm chỉ có *một âm tiết*, còn tên Hán Việt lại thường có hai âm tiết tương ứng. Những tên có chữ *Kẻ* trong bài mo Thái hay trong tiếng Thái cũng chỉ có *một âm tiết*, như *Kẻ pa*, *Kẻ khuộc*, *Kẻ ngú*, *Kẻ Khoái* hay *Kẻ món...* Sự gần gũi giữa tên Nôm (thuần Việt) về các làng Việt và tên Thái như trên nói lên điều gì nếu không phải đó là sự gần gũi về nguồn gốc, nói đúng hơn những từ *Kẻ* đó đều từ một gốc mà ra. Vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu ở đây là từ gốc nào?

Để bổ sung thêm sự gần gũi này, chúng tôi đã từng công bố khá nhiều tư liệu về mối quan hệ giữa phong cách trang trí Phùng Nguyên - Đông Sơn và phong cách trang trí Thái (nhất là trên hoa văn mặt phà). Các từ đồng âm, đồng nghĩa

trong tiếng Việt và tiếng Thái hay mối quan hệ giữa văn hóa, ngôn ngữ Thái và Việt (Hoàng Lương, 2006, tr. 3-8). Trong Kỷ yếu Hội thảo Chương trình Thái học Việt Nam lần thứ 2 (1998), chúng tôi cũng đã có bài viết về *Che cuông, che nọk, che tò* hiện hữu trong các vòng thành Cổ Loa. Các từ *che* đó đều có nghĩa trong tiếng Thái (*che cuông* = góc trong, *che tò* = góc nổi hay góc vòng thành giữa, *che nọk* = góc ngoài của vòng thành ngoài cùng)...

Qua những cứ liệu trên đây, quan điểm về sự gần gũi giữa tiếng Việt và tiếng Thái, hơn nữa là giữa người Việt và người Thái ở Việt Nam ngày càng có nhiều cứ liệu đáng tin cậy hơn. Trong đó, việc tìm hiểu, nghiên cứu từ *Kẻ* trong tiếng Thái và tiếng Việt nói lên nhiều ý nghĩa, đặc biệt về mối quan hệ này.

Tài liệu tham khảo

1. Đào Duy Anh (1997), *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Nxb Thuận Hóa - Huế.
2. Trần Trí Dõi (2008), “Ba bài viết về địa danh Cổ Loa”, trong: *20 năm Việt Nam học theo xu hướng liên ngành*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
3. *Kỷ yếu Hội thảo Thái học Việt Nam lần thứ 2*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 1998.
4. Hoàng Lương (2006), “Cư dân Tày - Thái cổ và cư dân Việt - Mường chung, hai người bạn láng giềng gần gũi từ thời cổ đại”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 3.
5. Hoàng Lương (sưu tầm và biên dịch), *Mơ “Tày òn ọc”* (chữ Thái cổ Mường Tấc), Tư liệu cá nhân.
6. Nguyễn Văn Tân (1998), *Từ điển địa danh lịch sử, văn hóa*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.



Cây lúa của người Thái ở xã Xuân Cẩm (Thường Xuân, Thanh Hóa)

Ảnh: Trần Hà